TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **109**/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 4, ngày 25 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà L.T.T.T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Đường I, Phường A, Quận C – Thành phố X.

2. Ông N.K.N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Đường J, Phường A, Quận C – Thành phố X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15/3/2019, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L.T.T.T và ông N.K.N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà L.T.T.T và ông N.K.N xác định có hai con chung tên N.K.Q, sinh ngày 12/4/2003 và N.K.N, sinh ngày 22/6/2012. Hai bên thỏa thuận, giao cả hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

[4] Nghĩa vụ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

[5] Về lệ phí: Bà L.T.T.T tự nguyện nộp toàn bộ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L.T.T.T và ông N.K.N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C cấp ngày 30/5/2005).

- Về con chung: Giao con chung tên N.K.Q, sinh ngày 12/4/2003 và N.K.N, sinh ngày 22/6/2012 cho bà L.T.T.T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông Nam không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung: Bà L.T.T.T và ông N.K.N thỏa thuận tự giải quyết.

- Nghĩa vụ chung: Bà L.T.T.T và ông N.K.N xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà L.T.T.T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AG/2014/0009962 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trương Thị Kiều